

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 06 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số nhà 13, đường L, tiểu khu 6, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: anh Nguyễn Thành H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số nhà 04, đường N, tiểu khu 4, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 07 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 07 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thành H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thành H thừa nhận có một con chung, cháu tên là Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 12/12/2016. Chị L và anh H thoả thuận giao cháu V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Thành H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai

được cản trở. Anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị L.

- Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thành H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thành H thỏa thuận, chị L chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0009361 ngày 03/06/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Trả lại cho chị L 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Chi cục THADS huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đào Văn Nam